TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14/3/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Ông Lê Văn Gần

Thư ký phiên tòa: Châu Thị Phượng Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2022/TLST–DS ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2023/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1983(có đơn xin vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ngãi Hiệp, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
2. *Bị đơn*: Phạm Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt)
Địa chỉ: ấp Ngãi Hiệp, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN

***** *Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Phan Thị Ngọc T như sau***:**

Chị T và anh S chung sống năm 2000, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành năm 2010. Thời gian chung sống có 01 con chung tên Phạm Thanh Như, sinh năm 2001. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn: Là do tính tình không hợp nhau, anh S đam mê rượu chè, cờ bạc nên thường xuyên cự cải nên đã ly thân nhau từ năm 2020. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn thương nhau nữa nên chị T yêu cầu giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh S.
- Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung: Không có
- Về nợ chung: Không có

Chị T bận công việc không đến tòa được nên có đơn yêu cầu tòa xét xử vắng mặt.

***** *Phía anh Phạm Thanh S* Tòa án đã thông báo thụ lý, thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết về việc khởi kiện của chịTiền.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án hôn nhân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với anh S. Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí buộc đương sự phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh S Tòa đã triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh S chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Mỹ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hợp nhau nên chị T và anh S đã ly thân từ năm 2020. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết ly hôn với anh S. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh S không đến nên việc hòa giải động viên không có kết quả. Hội đồng xử án xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với anh S là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xử án không đặt ra để xem xét giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; 217; 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc T cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị T phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân sơ thẩm, số T này được trừ vào số T 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu T số 0014194 ngày 14/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị T không phải nộp nữa.

Án xử công khai. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày tống đạt bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đỗ Thị Thu Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.... giờ…...phút, ngày 14 tháng 3 năm 2023

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh trà Vinh

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Lê Văn Gần bà bà Trần Thị Sang

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân thụ lý số: 139/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2022 về việc*"Tranh chấp ly hôn,"*giữa:

1. *Nguyên đơn*: Phan Thị Ngọc T, sinh năm 1983(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Hiệp, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn*: Phạm Thanh S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Hiệp, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh xin ly hôn và có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về tố tụng: Anh S đã được tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng không đến cũng không có văn bản trả lời cho tòa biết. Chị T do bận công việc không đến tòa được nên có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vụ án. Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3

Về điều luật áp dụng: Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Áp dụng các Điều 28; 35; 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 56, 51 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Về yêu cầu khởi kiện: Thành phần Hội đồng xét xử thảo luận có ý kiến:

Về hôn nhân: Chị T và anh S chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hưng Mỹ nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hợp nhau nên chị T và anh S đã ly thân từ năm 2020. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên cương quyết ly hôn với anh S. Tòa án đã tổ chức hòa giải động viên cho anh, chị đoàn tụ lại với nhau nhưng anh S không đến nên việc hòa giải động viên không có kết quả. Hội đồng xử án xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được chung sống cũng

không hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị được ly hôn với anh S là phù hợp điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xử án không đặt ra để xem xét giải quyết.

Quan điểm của vị đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Sau khi bàn bạc và có ý kiến như trên, Hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Ngọc T cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh S.

Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung**:** Không có nên không xem xét.

**Các vấn đề khác hội đồng xét xử thống nhất biểu quyết 3/3:*

-Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc đương sự nộp theo quy định pháp luật

- Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 14 tháng 3 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Gần **Trần Thị Sang** **Đỗ Thị Thu Hằng**